TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 01 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn

Bà Hà Thị Hoà

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Hoàng Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 63/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T; sinh năm: 1995; CCCD số: 038195009882; HKTT: Thôn M, xã M, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã M, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Anh H; sinh năm: 1992; CCCD số: 038092052859; HKTT: Thôn M, xã M, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã M, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị T, anh H. Chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Anh H kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 2011, nhưng mãi đến ngày 27/8/2013 mới đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh

Thanh Hoá (nay là xã M, tỉnh Thanh Hoá). Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Quỳnh N, sinh ngày 04/4/2012, cháu Phạm Như Q, sinh ngày 09/7/2013 và cháu Phạm Thị Thiên T1, sinh ngày 23/12/2017. Từ khi ly thân đến tháng 11/2025, các cháu ở với chị T, anh H vẫn gửi tiền về cho chị nuôi con. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu. Yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2025 cho đến khi các cháu thành niên. Hiện chị đang làm tự do, thu nhập bình quân hằng tháng khoảng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), chị đủ khả năng nuôi con nên chị chỉ yêu cầu anh H cấp dưỡng như trên.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Anh H để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh H không có mặt nên không có lời khai của anh H và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh H không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Anh H. Giao cháu Phạm Quỳnh N, sinh ngày 04/4/2012, cháu Phạm Như Q, sinh ngày 09/7/2013 và cháu Phạm Thị Thiên T1, sinh ngày 23/12/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2025 cho đến khi các cháu thành niên. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phạm Anh H, nơi cư trú tại Thôn M, xã M, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Phạm Thị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Anh H lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh H vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/8/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã M, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Về phía anh H, biết chị T làm đơn xin ly hôn và Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh H lên làm việc để anh H được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh H đều không có mặt, thể hiện anh H không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị T, anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung. Xét thấy, hiện tại các cháu đang ở với chị T. Các cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ và sống cùng nhau khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị T: giao cả ba cháu cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến tháng 11/2025, các cháu ở với chị T, anh H vẫn gửi tiền về cho chị T nuôi con. Xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng của chị T thấp hơn quy định của pháp luật, tuy nhiên đây

là sự tự nguyện của chị T. Hiện chị T đang làm tự do, thu nhập bình quân hằng tháng khoảng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), chị nhận thấy với mức cấp dưỡng như vậy đủ khả năng nuôi con. Thời gian yêu cầu cấp dưỡng của chị T là phù hợp. Buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2025 cho đến khi các cháu thành niên.

[4] Về tài sản: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Anh H.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Anh H có 03 con chung là cháu Phạm Quỳnh N, sinh ngày 04/4/2012, cháu Phạm Như Q, sinh ngày 09/7/2013 và cháu Phạm Thị Thiên T1, sinh ngày 23/12/2017. Giao cả ba cháu cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2025 cho đến khi các cháu thành niên.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị T không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0002523 ngày 03/11/2025. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Anh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị T, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Minh Sơn;
- THADS cấp tỉnh;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thịnh